TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Lãi suất ngân hàng hôm nay 4/6: Ngân hàng đầu tiên điều chỉnh lãi suất huy động trong tháng 6

10:34 04/06/2025

Ghi nhận lãi suất ngân hàng hôm nay (4/6), Ngân hàng TMCP Lộc Phát (LPBank) vừa điều chỉnh giảm lãi suất tại các kỳ hạn dài, qua đó trở thành ngân hàng đầu tiên điều chỉnh lãi suất huy động trong tháng 6.

Đối với ***lãi suất tiền gửi trực tuyến*** dành cho khách hàng cá nhân (lĩnh lãi cuối), LPBank niêm yết như sau: Kỳ hạn 1-2 tháng lần lượt là 3,6% và 3,7%/năm; kỳ hạn 3-5 tháng là 3,9%/năm; kỳ hạn 6-11 tháng là 5,1%/năm và kỳ hạn 12-16 tháng là 5,4%/năm.

Đáng chú ý, lãi suất huy động tại các kỳ hạn từ 18 đến 60 tháng, LPBank đồng loạt giảm 0,2%/năm. Đây cũng là ngân hàng đầu tiên giảm lãi suất huy động trong tháng 6/2025.

Với mức điều chỉnh giảm 0,2%/năm, lãi suất tiết kiệm trực tuyến (lĩnh lãi cuối kỳ), kỳ hạn 18-60 tháng tại LPBank còn 5,4%/năm, bằng lãi suất kỳ hạn từ 12-16 tháng. Đây cũng là mức lãi suất tiết kiệm cao nhất khi gửi tiền trực tuyến tại nhà băng này.

Ngoài ra, lãi suất ngân hàng các kỳ hạn còn lại được LPBank giữ nguyên.



Lãi suất huy động tại các kỳ hạn từ 18 đến 60 tháng, LPBank đồng loạt giảm 0,2%/năm. (Ảnh minh họa)

Đối với ***lãi suất tiền gửi tại quầy dành cho khách hàng cá nhân*** (lĩnh lãi cuối): LPBank cũng giữ nguyên lãi suất các sản phẩm tiền gửi còn lại. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1-2 tháng là 3%/năm; kỳ hạn 3-5 tháng là 3,2%/năm; kỳ hạn 6-11 tháng là 4,1%/năm; kỳ hạn 12-16 tháng là 5%/năm và các kỳ hạn 18-60 tháng là 5,3%/năm.

Đối với sản phẩm ***tiền gửi tại quầy dành cho khách hàng ưu tiên***: Lãi suất cũng được LPBank giữ nguyên. Theo biểu lãi suất huy động dành cho khách hàng hạng kim cương, bạch kim và vàng (mức lãi suất huy động cao nhất tại LPBank), lãi suất đang được quy định như sau: Kỳ hạn 1-2 tháng là 3,2%/năm; kỳ hạn 3-5 tháng là 3,4%/năm; kỳ hạn 6-11 tháng là 4,3%/năm; kỳ hạn 12-16 tháng là 5,2%/năm và kỳ hạn 18-36 tháng là 5,5%/năm.

Biểu lãi suất huy động trực tuyến các ngân hàng ngày 4/6 (%/năm)						
Ngân hàng	**1 tháng**	**3 tháng**	**6 tháng**	**9 tháng**	**12 tháng**	**18 tháng**
AGRIBANK	2,4	3	3,7	3,7	4,8	4,8
BIDV	2	2,3	3,3	3,3	4,7	4,7
VIETINBANK	2	2,3	3,3	3,3	4,7	4,7
VIETCOMBANK	1,6	1,9	2,9	2,9	4,6	4,6
ABBANK	3,2	3,9	5,4	5,5	5,7	5,5
ACB	3,1	3,5	4,2	4,3	4,9	
BAC A BANK	3,9	4,2	5,35	5,45	5,7	**6**
BAOVIETBANK	3,5	4,35	5,45	5,5	5,8	5,9
BVBANK	3,95	4,15	5,15	5,3	5,6	5,9
EXIMBANK	4,3	4,5	4,9	4,9	5,1	5,6
GPBANK	3,75	3,85	5,55	5,65	5,85	5,85
HDBANK	3,85	3,95	5,3	4,7	5,6	**6,1**
KIENLONGBANK	3,7	3,7	5,1	5,2	5,5	5,45
LPBANK	3,6	3,9	5,1	5,1	5,4	5,4
MB	3,5	3,8	4,4	4,4	4,9	4,9
MBV	4,1	4,4	5,5	5,6	5,8	5,9
MSB	3,9	3,9	5	5	5,6	5,6
NAM A BANK	3,8	4	4,9	5,2	5,5	5,6
OCB	3,9	4,1	5	5	5,1	5,2
PGBANK	3,4	3,8	5	4,9	5,4	5,8
PVCOMBANK	3,3	3,6	4,5	4,7	5,1	5,8
SACOMBANK	3,3	3,6	4,9	4,9	5,4	5,6
SAIGONBANK	3,3	3,6	4,8	4,9	5,6	5,8
SCB	1,6	1,9	2,9	2,9	3,7	3,9
SEABANK	2,95	3,45	3,95	4,15	4,7	5,45
SHB	3,5	3,8	4,9	5	5,3	5,5
TECHCOMBANK	3,25	3,55	4,55	4,55	4,75	4,75
TPBANK	3,5	3,8	4,8	4,9	5,2	5,5
VCBNEO	4,15	4,35	5,4	5,45	5,5	5,55
VIB	3,7	3,8	4,7	4,7	4,9	5,2
VIET A BANK	3,7	4	5,1	5,3	5,6	5,8

PV (t/h)